

BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG -
BỘ NGOẠI GIAO - BỘ TƯ PHÁP -
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2026/TTLT-BCA-BQP-BNG-
BTP-TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ

Căn cứ Luật Dẫn độ số 100/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định chi tiết Điều 14, Điều 15, Điều 18 và Điều 36 của Luật Dẫn độ số 100/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Dẫn độ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

Chương II

THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH PHẠT TỬ HÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ YÊU CẦU DẪN ĐỘ

Mục 1

VIỆT NAM ĐƯA RA THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH PHẠT TỬ HÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ YÊU CẦU DẪN ĐỘ

Điều 3. Tiếp nhận và chuyển yêu cầu của nước ngoài

1. Bộ Công an là cơ quan đầu mối xử lý, giải quyết yêu cầu của nước ngoài đề nghị Việt Nam đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nước ngoài đề nghị Việt Nam đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chuyển yêu cầu đó cho cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ đánh giá cơ sở đưa ra thông báo.

Điều 4. Đánh giá cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo đề nghị của nước ngoài

1. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ phối hợp với cơ quan y tế và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác định độ tuổi, tình trạng sức khỏe, tình trạng thai sản, tình trạng nuôi con nhỏ, tình trạng khắc phục hậu quả vụ án và các thông tin khác của người bị yêu cầu dẫn độ để xác định người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự hoặc người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp có thể bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc có thể bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ có văn bản thông báo kết quả xác minh, đánh giá cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ và gửi về Bộ Công an kèm theo các tài liệu có liên quan.

Điều 5. Trình tự, thủ tục đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo đề nghị của nước ngoài

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự:

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả xác minh, đánh giá cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ kèm theo các tài liệu có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này, Bộ Công an tổ chức lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chủ tịch nước và các Bộ, ngành có liên quan về cơ sở đưa ra thông báo;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công an, các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời đồng ý hoặc không đồng ý đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ gửi về Bộ Công an;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Bộ Công an trực tiếp hoặc thông qua kênh

ngoại giao đưa ra thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan không thống nhất, Bộ Công an trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ có thể bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc có thể bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự:

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả xác minh, đánh giá cơ sở đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ kèm theo các tài liệu có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này, Bộ Công an tổ chức lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chủ tịch nước và các Bộ, ngành có liên quan về cơ sở đưa ra thông báo;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công an, các Bộ, ngành, cơ quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời đồng ý hoặc không đồng ý đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ gửi về Bộ Công an;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Bộ Công an trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ;

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Chủ tịch nước, Bộ Công an trực tiếp hoặc thông qua kênh ngoại giao đưa ra thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp Chủ tịch nước từ chối, Bộ Công an trả lời bằng văn bản gửi nước ngoài.

Điều 6. Hồ sơ trình Chủ tịch nước xem xét, cho ý kiến về việc đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo đề nghị của nước ngoài

1. Tờ trình của Bộ Công an, gồm các thông tin sau:

- a) Nội dung đề nghị của phía nước ngoài;
- b) Đánh giá căn cứ pháp lý;
- c) Đề xuất của Bộ Công an.

2. Văn bản tham gia ý kiến về việc đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chủ tịch nước và các Bộ, ngành có liên quan.

3. Các tài liệu có liên quan của cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ.

4. Văn bản yêu cầu của nước ngoài.

Điều 7. Nội dung thông báo của Việt Nam gửi đến nước ngoài liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

Văn bản thông báo của Việt Nam gửi đến nước ngoài liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ gồm các thông tin sau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

1. Cơ sở pháp lý đưa ra thông báo, khẳng định cơ quan và người đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ là đúng thẩm quyền;

2. Đối tượng áp dụng;

3. Cam kết khẳng định không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc thông báo không chấp nhận đề nghị của nước ngoài.

Điều 8. Cách thức chuyển thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo đề nghị của nước ngoài

Văn bản thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ được Bộ Công an gửi trực tiếp hoặc thông qua kênh ngoại giao đến cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Mục 2

VIỆT NAM YÊU CẦU NƯỚC NGOÀI ĐƯA RA THÔNG BÁO LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH PHẠT TỬ HÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ YÊU CẦU DẪN ĐỘ

Điều 9. Nội dung thông báo của nước ngoài gửi đến Việt Nam liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

1. Văn bản thông báo của nước ngoài gửi đến Việt Nam liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ gồm các thông tin sau đây, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

a) Các thông tin quy định tại Điều 7 của Thông tư liên tịch này;

b) Cam kết của nước ngoài khẳng định trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm nội dung cam kết nêu trong thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trường hợp văn bản thông báo của nước ngoài gửi đến Việt Nam không đầy đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công an đề nghị nước ngoài bổ sung.

Điều 10. Trình tự, thủ tục yêu cầu nước ngoài đưa ra thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

1. Sau khi nhận được yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Bộ Công an có trách nhiệm đánh giá khả năng người bị yêu cầu dẫn độ có thể bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc thi hành hình phạt tử hình tại nước yêu cầu về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ.

2. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc thi hành hình phạt tử hình về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài đưa ra văn bản cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Dẫn độ.

Điều 11. Theo dõi việc thực hiện cam kết của nước ngoài

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao theo dõi việc thực hiện cam kết của nước ngoài liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ.

2. Trường hợp nước ngoài vi phạm cam kết đã nêu trong thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao có biện pháp phù hợp để giải quyết.

Chương III

KHÔNG TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ DẪN ĐỘ NGOÀI TỘI PHẠM ĐƯỢC NÊU TRONG YÊU CẦU DẪN ĐỘ; KHÔNG DẪN ĐỘ CHO BÊN THỨ BA, TRỪ CÁC TRƯỜNG HỢP LUẬT DẪN ĐỘ CHO PHÉP

Điều 12. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc không dẫn độ người đó cho bên thứ ba, trừ các trường hợp Luật Dẫn độ cho phép

1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong

yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho bên thứ ba, trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 15 của Luật Dẫn độ.

2. Mọi sự thay đổi về tội danh hoặc bổ sung tội danh khác đối với các hành vi thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc để được dẫn độ người đó cho bên thứ ba phải thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc đề nghị dẫn độ người đó cho bên thứ ba

Hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc đề nghị dẫn độ người đó cho bên thứ ba bao gồm các tài liệu sau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

1. Văn bản đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ;
2. Tài liệu, thông tin liên quan đến hành vi phạm tội hoặc bản án cần thi hành;
3. Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Dẫn độ;
4. Các tài liệu khác theo quy định tại các điều có liên quan của Luật Dẫn độ.

Điều 14. Trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc yêu cầu dẫn độ người đó cho bên thứ ba

1. Trường hợp nước ngoài đề nghị Việt Nam cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc đề nghị Việt Nam cho phép dẫn độ người đó cho bên thứ ba thì thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

- a) Nước ngoài gửi hồ sơ đến Bộ Công an;
- b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của nước ngoài, Bộ Công an tiến hành kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc cần

làm rõ thông tin, số liệu trong hồ sơ, Bộ Công an có thể đề nghị nước ngoài gửi các tài liệu và thông tin quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 của Luật Dẫn độ;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an tổ chức lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành có liên quan;

d) Trong thời hạn 20 ngày, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành có liên quan được lấy ý kiến có văn bản trả lời Bộ Công an;

đ) Sau khi có ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành có liên quan, Bộ Công an chủ trì, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của nước ngoài bằng văn bản.

2. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị dẫn độ về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc đề nghị nước ngoài cho phép dẫn độ người đó cho bên thứ ba thì thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Cơ quan đề nghị lập văn bản yêu cầu kèm theo các tài liệu có liên quan gửi về Bộ Công an;

b) Bộ Công an kiểm tra nội dung văn bản yêu cầu và các tài liệu kèm theo;

c) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an chuyển văn bản yêu cầu kèm theo các tài liệu có liên quan cho nước ngoài theo quy định của pháp luật về dẫn độ.

Điều 15. Cách tính thời hạn 30 ngày và lý do bất khả kháng

1. Thời hạn 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật Dẫn độ bắt đầu tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày người bị dẫn độ được cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù hoặc được trả tự do và không bị áp dụng bất kỳ biện pháp ngăn chặn nào theo quy định pháp luật.

2. Lý do bất khả kháng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật Dẫn độ bao gồm:

a) Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh làm đình trệ giao thông quốc tế;

b) Tình trạng sức khỏe nguy kịch của người bị dẫn độ có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền của nước yêu cầu;

c) Không có phương tiện vận chuyển hoặc không có phương tiện vận chuyển thay thế vì vấn đề kỹ thuật;

d) Các lý do khách quan khác mà người đó không thể tự chủ để rời khỏi lãnh thổ.

3. Sau khi hết thời hạn 30 ngày tính từ ngày được quy định tại khoản 1 Điều này cộng thêm thời gian bất khả kháng được quy định tại khoản 2 Điều này mà người đó vẫn cư trú tự nguyện trên lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ thì nước yêu cầu dẫn độ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người đó về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc có thể dẫn độ người đó cho bên thứ ba mà không cần phải xin phép nước được yêu cầu dẫn độ.

Điều 16. Xác định sự tự nguyện quay trở lại

Tình tiết tự nguyện quay trở lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 của Luật Dẫn độ là khi người bị dẫn độ đã rời khỏi lãnh thổ nước yêu cầu dẫn độ và sau đó tự nguyện quay lại nước đó mà không phải do bị bắt giữ hoặc dẫn độ từ một vụ việc khác. Việc tự nguyện quay trở lại được xác định thông qua kiểm chứng nhập cảnh trên hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người bị dẫn độ. Trong trường hợp này, nước yêu cầu dẫn độ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người đó về tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc có thể dẫn độ người đó cho bên thứ ba mà không cần phải xin phép nước được yêu cầu dẫn độ.

Chương IV

CƠ QUAN CỦA VIỆT NAM CÓ THẨM QUYỀN LẬP YÊU CẦU DẪN ĐỘ

Điều 17. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ

1. Bộ Công an.
2. Cơ quan điều tra.
3. Viện kiểm sát.
4. Tòa án.

5. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự.

6. Cơ quan thi hành án hình sự.

Điều 18. Các trường hợp lập yêu cầu dẫn độ

1. Bộ Công an lập yêu cầu dẫn độ trong các trường hợp sau:

- a) Theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- b) Theo yêu cầu của nước ngoài;
- c) Để đáp ứng các yêu cầu về chính trị, đối ngoại, pháp luật, quốc phòng, an ninh của Việt Nam;
- d) Theo đề nghị của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự của Việt Nam.

2. Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án lập yêu cầu dẫn độ.

3. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát đang thụ lý vụ án chủ trì lập yêu cầu dẫn độ. Cơ quan điều tra đã thụ lý vụ án này có trách nhiệm phối hợp.

4. Trong giai đoạn xét xử, Tòa án đang thụ lý vụ án chủ trì lập yêu cầu dẫn độ. Trường hợp Tòa án yêu cầu cơ quan điều tra truy nã bị can, bị cáo thì cơ quan điều tra chủ trì lập yêu cầu dẫn độ.

5. Trong giai đoạn thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự lập yêu cầu dẫn độ.

Chương V

CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ DẪN ĐỘ

Điều 19. Trình tự, thủ tục chuyển giao người bị dẫn độ

1. Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ về thời điểm có hiệu lực thi hành chuyển giao; trao đổi, thống nhất với nước yêu cầu dẫn độ về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, phương thức vận chuyển người bị dẫn độ và các vấn đề khác có liên quan. Cơ quan Công an đang quản lý đối tượng hoàn thiện hồ sơ liên quan đến người bị dẫn độ; chuẩn bị lực lượng áp giải.

2. Sau khi thống nhất với nước yêu cầu dẫn độ về việc chuyển giao, Bộ Công an chủ trì tổ chức việc chuyển giao; quyết định kế hoạch áp giải, phương án bảo đảm an ninh, an toàn. Cơ quan Công an đang quản lý đối tượng kiểm tra nhân thân, tình trạng sức khỏe của người bị dẫn độ trước ngày chuyển giao; tiếp

nhận người bị dẫn độ từ cơ sở giam giữ; áp giải đến địa điểm chuyển giao theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp giải.

3. Tại thời điểm bàn giao, đại diện Tổ áp giải của Việt Nam cùng với đại diện Tổ tiếp nhận của nước yêu cầu dẫn độ tiến hành kiểm tra nhân thân, tình trạng sức khỏe của người bị dẫn độ; lập biên bản chuyển giao người bị dẫn độ kèm theo tài liệu, đồ vật, tài sản (nếu có); bàn giao trực tiếp người bị dẫn độ cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 20. Nội dung của biên bản bàn giao người bị dẫn độ

Biên bản bàn giao người bị dẫn độ gồm các nội dung sau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

1. Thời gian, địa điểm và đại diện thành phần bàn giao;
2. Thông tin, tình trạng về người bị dẫn độ;
3. Danh mục tài liệu, đồ vật, tài sản (nếu có);
4. Chữ ký của đại diện Tổ áp giải Việt Nam và đại diện Tổ tiếp nhận nước ngoài.

Điều 21. Xác định trường hợp bất khả kháng hoặc lý do chính đáng

Trường hợp bất khả kháng hoặc lý do chính đáng quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Dẫn độ gồm các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư liên tịch này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung thì

kip thời phản ánh về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**



Lê Thị Thu Hằng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Văn Tuyền

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Dũng

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và giám sát của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ: Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Tư pháp;
- Lưu: VT (BCA, BQP, BNG, BTP, TANDTC, VKSNDTC), V03 (P5).